

# ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG SÂU RĂNG, VIÊM LỢI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở MỘT NHÓM HỌC SINH 9 TUỔI

NGUYỄN QUỐC TRUNG

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Phòng Bệnh sâu răng, Viêm lợi là một trong những nội dung của Chương trình Nha học đường. Trong những năm gần đây ở các trường tiểu học học công tác Nha học đường đã được quan tâm chú trọng. Với mục đích giảm tỷ lệ mắc bệnh răng miệng ở học sinh, trong đó đáng quan tâm là bệnh sâu răng và viêm lợi. Để can thiệp phòng bệnh hiệu quả có cơ sở khoa học, công việc xác định tỷ lệ bệnh và các yếu tố liên quan phải được xác định. Học sinh 9 tuổi là đối tượng đã được chăm sóc sức khỏe răng miệng ở phần lớn các trường tiểu học trong địa bàn Thành phố Hà Nội. Do vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài (*Đánh giá tình trạng Sâu răng, Viêm lợi và một số yếu tố liên quan ở một nhóm học sinh 9 tuổi*) với mục hai mục tiêu:

1. Xác định tỷ lệ bệnh sâu răng, viêm lợi ở một nhóm học sinh 9 tuổi tại trường tiểu học Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

2. Tìm hiểu một số yếu tố về thực hành chải răng của nhóm đối tượng trên.

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

\* Tiêu chuẩn lựa chọn

- 50 Học sinh 9 tuổi, học tại trường tiểu học Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội.

- Tự nguyện tham gia nghiên cứu.

\* Tiêu chuẩn loại trừ:

- Không thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn

- Không hợp tác tốt với thầy thuốc.

### 2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 4 năm 2010.

Địa điểm nghiên cứu: Tại trường tiểu học Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội. Viện Đào Tạo Răng Hàm Mặt

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Thiết kế nghiên cứu

- Nghiên cứu mô tả cắt ngang. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận lợi.

*Dụng cụ khám*

- Bộ khay khám răng: khay quả đậu, gương, thám châm, gáp.

- Máy nén khí có đầu thổi hơi.

- Bông, cồn, găng tay, đèn chiếu sáng.

- Phiếu khám và phiếu thu thập thông tin.

*Người khám*

Bác sỹ chuyên khoa RHM (học viên lớp cao học - viện Đào tạo RHM - trường Đại học Y Hà Nội) đã được tập huấn thống nhất cách khám, phỏng vấn và phương pháp ghi phiếu khám.

*Quy trình thực hiện*

Bước 1: Hướng dẫn học sinh VSRM bằng bàn chải, kem đánh răng P/S + nước trước khi vào bàn khám.

Bước 2: Phỏng vấn để thu thập thông tin về các đặc trưng cá nhân, thực hành vệ sinh răng miệng và các yếu tố nguy cơ.

Bước 3: Khám phát hiện sâu răng, Viêm lợi bằng

phương pháp quan sát theo tiêu chuẩn của WHO.

*Các biến số nghiên cứu*

Tuổi, Giới, hành vi VSRM của học sinh

Tỷ lệ sâu răng sữa. Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn. Tỷ lệ viêm lợi. Chỉ số DI-S

## 2. Xử lý số liệu

Số liệu được thu thập và phân tích bằng phương pháp thống kê y học, sử dụng phần mềm SPSS 16.0 và một số thuật toán thống kê.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1 : Phân bố mẫu theo giới

Giới	n	%
Nam	29	58
Nữ	21	42
Tổng	50	100

*Nhận xét:* Kết quả bảng 1 cho thấy nhóm nữ học sinh chiếm tỷ lệ 42% và nam học sinh chiếm tỷ lệ 58%. Đối tượng nghiên cứu được chọn theo phương pháp thuận tiện với cỡ mẫu 50 đối tượng nghiên cứu. Do vậy cỡ mẫu tham gia nghiên cứu có ý nghĩa khoa học đại diện cho học sinh 9 tuổi tại trường tiểu học Láng Thượng - Đống Đa - Hà Nội

Bảng 2 : Tỷ lệ sâu răng sữa

Sâu răng Đối tượng NC	N	Không sâu răng		Sâu răng		p
		N	%	n	%	
Nu	21	3	14,3	18	85,7	>0,05
Nam	29	8	27,6	21	63,3	
Tổng	50	11	22	39	78	

*Nhận xét:* Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 2 cho thấy tỷ lệ sâu răng sữa của nhóm 9 tuổi là 78%. Kết quả này cao hơn kết quả điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc năm 2001: tỷ lệ sâu răng sữa của trẻ 9-11 tuổi là 56.3% .. Điều này được lý giải là sâu răng sữa chủ yếu là sâu răng hàm, ít gặp ở răng cửa. Do các răng hàm sữa sau 30 tháng đã mọc đủ, đến 9 tuổi trẻ bắt đầu thay răng hàm sữa nên nhóm 9 tuổi có răng hàm sữa tồn tại từ 4-6 năm. Do vậy tỷ lệ sâu răng sữa ở lứa tuổi này thường là cao nhất

Bảng 3: Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn

Sâu răng Đối tượng NC	N	Không sâu răng		Sâu răng		P
		n	%	N	%	
Nữ	21	18	85,7	3	14,3	>0,05
Nam	29	26	89,7	3	10,3	
Tổng	50	44	88	6	12	

*Nhận xét:* Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 3 tình hình sâu răng vĩnh viễn của nhóm học sinh 9 tuổi là 12% và không có sự khác biệt giữa nam và nữ. Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn của chúng tôi là thấp hơn so với kết quả Điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc (2001) nhóm 9-11 54,6%.. Thực tế học sinh có tỷ lệ sâu răng thấp là do công tác chăm sóc sức khỏe răng miệng cho học sinh được nhà trường quan tâm. Đặc biệt là phụ huynh học sinh đã quan tâm đến khám phát hiện sâu răng cho học sinh vì nhiều trường hợp tổn thương sâu răng đã

được trám răng phục hồi tổn thương .Do vậy tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn có tỷ lệ thấp

Bảng 4 : Tỷ lệ viêm lợi

Đối tượng NC		Không viêm lợi		Viêm lợi		P
		n	%	N	%	
Nam	29	25	86,2	4	13,8	>0,05
Nữ	21	21	100	0	0	
Tổng	50	46	92	4	8	

**Nhận xét:** Bảng 4 cho thấy tỷ lệ viêm lợi chung ở nhóm nghiên cứu là 8%. Trong đó tỷ lệ viêm lợi ở nam là 13,8% , ở nữ là 0%. Sự khác biệt giữa hai tỷ lệ này không có ý nghĩa thống kê với  $P>0,05$ . Tỷ lệ viêm lợi của nhóm trẻ nghiên cứu có tỷ lệ thấp hơn nghiên cứu của Đào Thị Dung Hà Nội (2000) là 67.5 %. Kết quả này phù hợp với xu hướng tỷ lệ viêm lợi của học sinh sẽ giảm đi nếu công tác vệ sinh răng miệng được chú trọng quan tâm

Bảng 5 :Tình Trạng vệ sinh răng miệng

Đối tượng Nghiên cứu	Số lượng	Trạng vệ sinh răng miệng								P
		Rất tốt (OHI-S=0)		Tốt (OHI-S=0,1-1,2)		Trung Bình (OHI-S=1,3-3)		kém (OHI-S=3,1-6)		
		n	%	n	%	n	%	n	%	
Nu	21	14	66,7	7	33,3	0	0	0	0	p>0.05
Nam	29	15	51,7	12	41,4	2	6,9	0	0	
Tổng số	50	29	62	19	38	2	4,1	0	0	

**Nhận xét:** Kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy tất cả học sinh đều có chỉ số DI-S ở mức độ rất tốt và tốt.Có thể khẳng định việc giáo dục nha khoa của nhóm học sinh đã có hiệu quả Kết quả này tương ứng với kết quả phỏng vấn học sinh, có 84% học sinh trả lời chải răng 2 lần trong ngày.

Bảng 6 Tỷ lệ số lần chải răng trong ngày của nhóm nghiên cứu

Số lần chải răng/ngày	Số lượng	Tỷ lệ%	P
1 lần	4	8	<0,01
2 lần	42	84	
Thỉnh thoảng	4	8	
Không bao giờ	0	0	

**Nhận xét:** Bảng 6 cho thấy học sinh chải răng hai lần trong một ngày có tỷ lệ cao (84%). Trong khi đó học sinh chải răng một lần trong ngày có tỷ lệ thấp(8%) và có sự khác biệt về số lần chải răng giữa hai nhóm học sinh với  $p<0,05$ . Kết quả nghiên cứu phần nào đã cho thấy nhóm học sinh 9 tuổi đã thực hành được tốt số lần chải răng trong ngày nên hai lần sẽ giúp phòng bệnh sâu răng có hiệu quả

Bảng 7 Tỷ lệ thời điểm chải răng của nhóm nghiên cứu

Thời điểm chải răng:	Số lượng	Tỷ lệ%	P
Buổi sáng	3	6	<0,01
Buổi tối	7	10	
Sáng-tối	42	84	

**Nhận xét:** Bảng 7 cho thấy học sinh chải răng hai lần trong một ngày vào buổi sáng và tối có tỷ lệ cao (84%). Trong khi đó học sinh chải răng một lần vào buổi tối trong ngày có tỷ lệ thấp(10%) và có sự khác biệt về thời điểm chải răng giữa hai nhóm học sinh với  $p<0,05$ . Nhóm học sinh 9 tuổi đã đạt được yêu cầu thực hành chải răng hai lần vào buổi sáng và tối

Bảng 8 Tỷ lệ thời điểm bắt đầu chải răng của nhóm nghiên cứu

Thời điểm bắt đầu chải răng	Số lượng	Tỷ lệ%	P
Mẫu giáo		58	>0,05
Lớp 1		42	
Lớp 2		0	
Lớp 3		0	

**Nhận xét:** Bảng 8 cho thấy học sinh bắt đầu chải răng ở lứa tuổi mẫu giáo và lớp 1 có tỷ lệ không có sự khác biệt ( $P>0,05$ ). Kết quả học sinh được chải răng sớm sẽ có tỷ lệ sâu răng thấp(Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn của nhóm nghiên cứu là 12%)

Bảng 9 Tỷ lệ thời gian chải răng của nhóm nghiên cứu

Thời gian chải răng	Số lượng	Tỷ lệ%	P
< 1 phút	5	10	P<0,05
1-2 phút	15	30	
3-5 phút	23	46	
Không quan tâm	7	14	

**Nhận xét:** Bảng 9 cho thấy học sinh chải răng đạt tiêu chuẩn về thời gian còn thấp (46%) và có sự khác biệt giữa các nhóm ( $P<0,05$ ). Do vậy việc kiểm soát thời gian chải răng là cần thiết để

#### KẾT LUẬN

- Tỷ lệ sâu răng sữa của nhóm 9 tuổi là 78 %
- Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn của nhóm học sinh 9 tuổi là 12%
- Tỷ lệ viêm lợi ở nhóm nghiên cứu là 8% và tỷ lệ học sinh có tình trạng vệ sinh răng miệng tốt ,rất tốt có tỷ lệ cao
- 84% học sinh thực hành được số lần chải răng và thời điểm chải răng đạt chuẩn

#### SUMMARY

Prevention of tooth decay, gum disease is one of the contents of the School Dental Program. In recent years primary school education in the Dental School has been focusing attention. For the purpose of reducing the incidence of oral diseases in students, in which consideration is tooth decay and gum disease. For effective preventive interventions have a scientific basis, the determination of prevalence and related factors have been identified. 9-year-old student has been subject to oral health care in most elementary schools in the city of Hanoi.

The aim of this study

- Determine the rate of tooth decay, gum disease in a 9-year-old students in primary schools Lang Thuong - Dong Da - Ha Noi.
  - To assessment behaviors of oral care in groups
- The study was performed on 50 children 9 years in

Lang Thuong school, Two examiners were used , Examination of tooth decay, gum disease by observation of the WHO standard (extra examiners Kappa coefficient : 0,82) .

*Results:* The rate Of primary caries were 78 %.The rate Of parmanent caries were 12 %.Percentage of children with gingival bleeding were 8%.84 % children reported brushing twice a day

Keywords: 9-year-old student, tooth decay, gum disease

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đào Thị Dung (2007),*(Đánh giá hiệu quả can thiệp chương trình Nha học đường tại một số trường tiểu học quận Đống Đa - Hà Nội)*, Luận án tiến sỹ y học, Trường Đại học Y Hà Nội, tr.8.

2. Trần Thị Mỹ Hạnh (2006), *Nhận xét tỉnh hờnh*

*sổu răng và viêm lợi ở học sinh lứa tuổi 7-11 tại trường tiểu học Thanh Liệt, Luận văn thạc sỹ y học*, tr34-52.

3. Hoàng Trọng Hùng (2000), "*Tình hình dự phòng sâu răng hiện nay*", Cập nhật Nha khoa, tập 5, số (2), tr. 29-37.

4. Trần Văn Trường, Lâm Ngọc ần, Trịnh Đình Hải (2002). *Điều tra sức khỏe răng miệng toàn quốc.* , Nhà xuất bản Y học, tr. 23-70

5. WHO (1997), *Oral health surveys basic methos*, 4<sup>th</sup> Edition, Geneva, pp.25-28.

6. WHO (1997). *Goals for the year 2000*, Geneva, pp. 5-8.

7. Zhu L (2003). *Oral Health Knowledge, Attitude and behaviour of Children and adolescents in China*, *Int Dent J*, 2003 Oct;53(5):289-298